

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); Kế hoạch số 09-KH/TW ngày 23/8/2022 của Bộ Chính trị, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 09-KH/TW); Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Kết luận số 219-KL/TW).

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW; Kế hoạch số 09-KH/TW và Kết luận số 219-KL/TW, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW và Kết luận số 219-KL/TW của Trung ương thành Chương trình hành động chung nhằm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp và điều kiện đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới với phần lớn là dân tộc thiểu số; đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông nghiệp hàng hóa, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế lâm nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện trong phát triển nông nghiệp hiện đại, xây dựng nông thôn văn minh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; phát huy lợi thế liên kết vùng sau khi sáp nhập địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang thành tỉnh Tuyên Quang mới.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động này bằng hình thức phù hợp; xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, có mục tiêu, chỉ tiêu đo lường để tổ chức thực hiện.

Triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý vướng mắc.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng nông dân và cư dân nông thôn phát triển, có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông nghiệp nhanh bền vững, hiệu quả, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản từ 5,56%/năm. Trong đó, nông nghiệp tăng 4,46%/năm, lâm nghiệp tăng 9,78%/năm, thủy sản tăng 7,85%/năm; năng suất lao động nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân từ 5,5-6%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ toàn tỉnh phấn đấu đạt bình quân trên 10,5%/năm. Trong đó, Công nghiệp, xây dựng tăng trên 16%/năm, dịch vụ tăng trên 10%/năm.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 1,5 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân 3-4%/năm.

- Phấn đấu toàn tỉnh có 60 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 56,9%.

- Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp khoảng 43-45% tổng số lao động toàn tỉnh.

- Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 10.000 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 62,2%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung đạt 90%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống, vật chất và tinh thần ngày càng cao, là chủ thể chính trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh; điều kiện sống và nhà ở được bảo đảm, từng bước hình thành và phát triển nhà ở

xã hội cho cư dân nông thôn tại các khu vực phù hợp với quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu an sinh xã hội bền vững. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, thân thiện với môi trường, hình thành một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực. Nông thôn phát triển toàn diện, hiện đại, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, điều kiện sống của cư dân nông thôn được nâng cao, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho nông dân và cư dân nông thôn, khơi dậy tinh thần tự lực, khởi nghiệp trong nông dân; phát triển phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi gắn với đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản; chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp. Khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của khu vực nông nghiệp, nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, thu hút lao động có trình độ cao. Chú trọng nâng cao chất lượng lao động trong nông nghiệp để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang các ngành du lịch, dịch vụ nông thôn.

Đảm bảo quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, hình thành, phát triển phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, tăng nhanh tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Bố trí ổn định dân cư khu vực có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát huy vai trò trong tập hợp sức dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tổ chức, vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”...

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp thực chất, hiệu quả, phát huy lợi thế, thế mạnh gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Ưu tiên phát triển mạnh các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị như: Mật ong bạc hà, Bò vàng, Cam sành, Chè Shan tuyết,... nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sức cạnh tranh gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao, như: Lợn đen Lũng Pù, Bò vàng, Dê núi, Vịt bầu, Hồng không hạt, Lê, Mận, Lúa đặc sản, Cây tam giác mạch, Dược liệu quý...; có cơ chế phù hợp để thúc đẩy các Viện, Trường, Doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chọn, tạo giống; nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi và vật tư nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch động vật, thực vật. Tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, đảm bảo cho sản xuất bền vững và bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng. Duy trì và tiếp tục xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Huy động xã hội hóa các nguồn lực, thúc đẩy hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo hình thức: Nhà nước hướng dẫn và hỗ trợ cung ứng các dịch vụ công, các doanh nghiệp tổ chức sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp phù hợp và gắn kết chặt chẽ với những chủ trương, định hướng mục tiêu và giải pháp đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 và những chủ trương, định hướng của Đảng và nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- *Về trồng trọt*: Phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo chuỗi giá trị, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, phát triển các loại cây trồng đặc trưng, đặc hữu, có lợi thế cạnh tranh và có giá trị kinh tế cao, bền vững (*Hồng không hạt, Gạo khẩu mang, Gạo già dui, Cam sành, Chè Shan tuyết, Mía, Bưởi Soi Hà, Lạc, Gõ rừng trồng,...*) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và bảo đảm an ninh lương thực. Nhân rộng, phát triển mô hình áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu gắn với quản lý chất lượng sản phẩm theo chuỗi,...; mô hình canh tác bền vững, nông nghiệp carbon thấp, xử lý phụ phẩm nông nghiệp thành phân hữu cơ, tận dụng nước tưới thông minh gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng dữ liệu số, IoT, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và hệ thống thông tin quản lý sản xuất, sử dụng bản đồ số cây trồng, tự động hóa theo dõi sâu bệnh, hệ thống cảnh báo thời tiết, thiên tai. Phát triển vùng nguyên liệu liên tỉnh, kết nối thị trường tiêu thụ chung, hoàn thiện hạ tầng logistics nông sản. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản. Phát triển các chuỗi liên kết mới, mở rộng quy mô chuỗi hiện có. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng, trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với các loại sâu, bệnh mới. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Hướng dẫn, khuyến khích người dân sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học. Phát huy hiệu quả các mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất; hình thành các cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Quản lý sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất trồng lúa; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương trên cơ sở bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất chuyên lúa.

- *Về chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi theo hướng đặc trưng hàng hóa chất lượng cao, theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến sản phẩm, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; Khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi thân thiện với môi trường; Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở chăn nuôi áp dụng các biện pháp xử lý chất thải, kiên quyết di dời ra khỏi khu dân cư đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế và lợi thế cạnh tranh cao như: Trâu, Bò vàng, Lợn đen, Mật ong bạc hà,...; xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

- *Về thủy sản*: Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị và bền vững; tập trung khai thác tốt các lòng hồ thủy điện để mở rộng phát triển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đảm bảo môi trường,... Trong đó, ưu tiên một số giống đặc sản, có lợi thế như: cá Bống, cá Lăng, cá Chiên, cá Trạch, cá nước lạnh và các loại cá đặc sản. Đẩy mạnh, chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loại cá đặc sản, cá thương phẩm có giá trị kinh tế cao. Nâng cao năng lực sản xuất giống, dịch vụ thủy sản; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển thủy sản.

- *Về lâm nghiệp*: Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, nâng cao tỷ lệ độ che phủ rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát động phong trào trồng rừng theo quy hoạch và kế hoạch hằng năm. Khai thác hiệu quả giá trị hưởng dụng từ rừng thông qua việc phát triển nông, lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu, dịch vụ môi trường rừng gắn với phát triển du lịch sinh thái, tạo sinh kế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân sống ở khu vực có rừng. Đẩy mạnh xã hội hoá, tăng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, lâm đặc sản, hình thành vùng nguyên liệu tập trung làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và dược liệu theo hướng kinh tế tuần hoàn tăng trưởng xanh và thân thiện với môi trường. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. Rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng sang đất sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản kết hợp với sản xuất lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường tín chỉ các-bon rừng trong nước và quốc tế khi có đầy đủ cơ sở pháp lý.

3. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2050, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; đầu tư hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

Phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, sản xuất công cụ, thiết bị, vật tư cơ bản phục vụ nông nghiệp. Tiếp tục phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gắn tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân để tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp trải nghiệm và các sản phẩm du lịch nông thôn khác gắn với tiềm năng, thế mạnh của địa phương hướng tới mục tiêu nâng tầm dịch vụ du lịch nông thôn của tỉnh, thu hút khách du lịch, tạo thu nhập bền vững cho lao động nông thôn. Thực hiện hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống. Chú trọng đào tạo, tôn vinh nghệ nhân ở nông thôn, thu hút lao động trẻ, lao động có tay nghề cao tham gia sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại, thành miền quê đáng sống

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, toàn diện, bền vững, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp đa giá trị trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, phòng ngừa tái nghèo, tăng trưởng xanh, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu của người dân, xây dựng cuộc sống hạnh phúc; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư; bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới. Hình thành không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh, gắn kết, hạnh phúc; xây dựng nông dân văn minh, có tri thức, kỹ năng, sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo nền tảng phát triển bao trùm, ổn định và bền vững của đất nước.

Bảo đảm phát triển nông thôn bao trùm và bền vững, lấy người dân làm trung tâm và chủ thể của quá trình phát triển. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả giữa xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, coi đây là hai mục tiêu không thể tách rời; đồng thời gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, hướng tới phát triển toàn diện, tiến bộ, công bằng xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau. Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; đồng thời thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp. Phát triển phải được thực hiện một cách đồng bộ, bảo đảm sự hài hòa giữa ba trọng tâm: Phát triển kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội với nâng cao chất lượng đời sống người dân và giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn.

Đẩy mạnh triển khai công tác đầu tư và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở xã hội phục vụ nhu cầu của cư dân nông thôn; hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho cư dân nông thôn, nhất là chính sách về đất đai, quy hoạch, tín dụng và ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật. Bố trí, quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội tại các khu vực phù hợp với quy hoạch tỉnh; gắn phát triển nhà ở xã hội với xây dựng nông thôn mới và phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức đầu tư. Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội,... để hỗ trợ đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho cư dân nông thôn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giám sát và kiểm tra việc triển khai các dự án nhà ở xã hội, bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục tiêu, hiệu quả và bền vững.

Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Chuyển đổi số được xác định là công cụ xuyên suốt và trọng tâm, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, thúc đẩy minh bạch

dữ liệu, giám sát trực tuyến theo thời gian thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển thương mại điện tử và cung cấp dịch vụ thiết yếu cho người dân nông thôn tiệm cận với đô thị.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các rủi ro phi truyền thống, bảo đảm sự ổn định, an toàn và phát triển bền vững trong mọi điều kiện; gắn giảm nghèo bền vững với bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương; bảo đảm huy động, phân bổ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực, đồng thời kết nối chặt chẽ với các chương trình, dự án, chính sách phát triển khác để tránh trùng lặp, dàn trải, nâng cao hiệu quả tổng thể. Địa phương chủ động, linh hoạt tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tiễn và phát huy tối đa vai trò của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng xã hội trong quá trình triển khai, thực hiện và giám sát.

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là các cơ chế, chính sách về đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, lao động, giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ,...; quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững thiết thực, đi vào chiều sâu, phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương. Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; triển khai tốt chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết, hợp tác sản xuất kinh doanh; tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển kinh tế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tín dụng, khơi thông nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển. Kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Triển khai có hiệu quả chính sách về bảo hiểm nông nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro cho sản xuất; chính sách tín dụng

ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của các tổ chức tín dụng, nhất là vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ nghèo và các đối tượng chính sách; góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế tín dụng đen.

6. Tạo đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Thúc đẩy, phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp và môi trường trên cơ sở thực hiện các mục tiêu, nội dung tại Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung chỉ đạo, thực hiện xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học,... Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ để trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề xuất đặt hàng các đề tài, dự án cấp Bộ, cấp Quốc gia thiết thực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án có tính ứng dụng cao nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp và phát triển theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các Viện, Trường, Doanh nghiệp, Hợp tác xã và Nông dân trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tăng cường công tác đào tạo kỹ năng, khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “*tri thức hóa nông dân*”. Phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; đẩy mạnh hướng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn một cách bền vững. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng và chất lượng, trong đó đặc biệt quan tâm đến đất chuyên trồng lúa; có các giải pháp hữu hiệu về chống sạt lở bờ sông, suối, thoái hoá đất. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học.

Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi, hồ, đập nước phục vụ phát triển nông nghiệp và nhu cầu sử dụng của người dân nông thôn. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các cụm công nghiệp, cơ sở dịch vụ, khu xử lý rác tập trung. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nhất là công tác bảo vệ cảnh quan môi trường nông thôn.

Tiếp tục nâng cao công tác dự báo khí tượng, thủy văn, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu; hướng dẫn người dân và doanh nghiệp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống thiên tai, xác định các vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai; xây dựng kịch bản ứng phó; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư; nâng cao công tác tuyên truyền thực hiện giảm phát thải các chất độc hại trong nông nghiệp.

8. Chủ động trong hợp tác, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Giữ ổn định các thị trường truyền thống, chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), các cơ chế hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các nước để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Củng cố, xây dựng hệ thống kho, bãi tập kết, phương tiện bảo quản, vận chuyển, trung chuyển hàng hoá, đặc biệt là tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và các cửa khẩu quốc gia như: Xín Mần, Sầm Pun, Bạch Đích, Phó Bảng. Chủ động cập nhật, nắm bắt kịp thời các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Chủ động phòng, chống gian lận thương mại để đảm bảo uy tín, chất lượng sản phẩm nông sản của tỉnh.

Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn; mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp với các nước có nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại và các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học, công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của

ngành. Thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trong tỉnh kết nối với doanh nghiệp nước ngoài trong việc phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Nâng cao năng lực huy động và sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn có trọng tâm, trọng điểm; khuyến khích đầu tư vào phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghiệp, du lịch, dịch vụ ở nông thôn.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức trực thuộc ở nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh với các xã, phường. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

(Nhiệm vụ cụ thể có biểu chi tiết kèm theo)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể của địa phương, đơn vị mình, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian hoàn thành và phân công tổ chức thực hiện, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, thiết thực, hiệu quả. Định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức học tập, quán triệt, định hướng tuyên truyền về nội dung, kết quả, gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động này bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động này qua các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân để tổ chức thực hiện và giám sát theo quy định.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban kiểm tra Đảng ủy các cấp đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những sai phạm trong thực hiện chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động này; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, các xã, phường tổ chức thực hiện thống nhất, gắn với thực hiện Chiến lược, quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh. Tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh việc sơ kết, tổng kết định kỳ để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

6. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường giám sát, phản biện quá trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 09-KH/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, tổng hợp báo cáo, tham mưu, giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, căn cứ chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tiễn của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ quyết định điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình này để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Đảng ủy Chính phủ,
- Ban Chính sách, chiến lược TW
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc TU,
- Các Sở ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

(để báo cáo)

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Lê Thị Kim Dung

Phụ lục
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 25/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn			
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ đảng viên và Nhân dân.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về xây dựng và phát triển con người Tuyên Quang phát triển toàn diện về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
3	Đề án bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
4	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
5	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
7	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án phát triển thể thao tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
8	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu, tăng cường y tế dự phòng, giai đoạn 2025-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2025-2030
II	Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng			
1	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
3	Tham mưu điều chỉnh Đề án về xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Xây dựng và triển khai các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải tại các vùng sinh thái và cây trồng chủ lực	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án phát triển Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thụ tinh nhân tạo, phát triển ngân hàng gen đối với giống vật nuôi bản địa và giống có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển trang trại giống hạt nhân, áp dụng mã định danh gắn chip điện tử trên vật nuôi.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc giám sát dịch bệnh, dinh dưỡng, năng suất; Xây dựng cơ sở dữ liệu vật nuôi trên địa bàn tỉnh; Thực hiện phổ cập công nghệ số cho các trang trại, HTX chăn nuôi và cơ sở thủy sản, từng bước hình thành hệ sinh thái chăn nuôi số - truy xuất nguồn gốc số.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
III	Phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn			
1	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển công nghiệp (trong đó có công nghiệp nông thôn)	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2045
3	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035
4	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
IV	Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại, thành miền quê đáng sống			
1	Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035
3	Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035
4	Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035
5	Điều chỉnh Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đó tập trung phát triển một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao gắn với chế biến nông lâm sản và dược liệu, giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
6	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết tiếp tục đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7	Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: Lở mồm long móng, Dịch tả lợn châu Phi, Đại chó mèo, Viêm da nổi cục; 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn áp dụng các biện pháp xử lý môi trường chăn nuôi như: Hệ thống khí sinh học (biogas) và tuần hoàn nước thải đạt yêu cầu; Triển khai đồng bộ chương trình tiêm phòng bắt buộc, phấn đấu tỷ lệ tiêm đạt trên 100% đối với các bệnh trong diện bắt buộc.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng thể trận lòng dân vững chắc.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
V	Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn			
1	Chủ động cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Tổ chức thực hiện tốt các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 4	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
3	Tham mưu thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tham mưu thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo có liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đặc biệt là hợp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035
VI	Tạo đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn			
1	Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và xã hội số, giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
2	Nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới giai đoạn 2025-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2025-2030
3	Tham mưu hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Mỗi năm thực hiện tối thiểu 01 đề tài/dự án KHCN cấp tỉnh phục vụ trực tiếp cho các ngành hàng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	Phần đầu có từ 70% hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, ký số, hóa đơn điện tử hoặc thương mại điện tử.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
6	Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, thú y và thủy sản cho đội ngũ cán bộ thú y viên thôn, bản; chuyển giao các tiến bộ khoa học trong chăn nuôi, thủy sản tới người dân.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
7	Rà soát, mở rộng các vùng chăn nuôi trọng điểm; hình thành và phát triển các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn VietGAP/GAHP; đẩy mạnh ứng dụng IoT, hệ thống camera giám sát, phần mềm quản lý trang trại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn sinh học và truy xuất nguồn gốc.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
9	Tăng cường đào tạo kỹ năng, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số cho lao động nông thôn theo hướng “tri thức hóa nông dân”, đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
10	Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động gắn đào tạo với sử dụng lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
VII	Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai			
1	Triển khai Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 06/12/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 và Kết luận số 213-KL/TW, ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Triển khai Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 06/12/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi, thủy sản tuần hoàn, thân thiện với môi trường; Tăng cường bảo tồn và phát triển nguồn gen vật nuôi bản địa; kiểm soát chất thải chăn nuôi, giảm phát thải khí nhà kính; Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chỉ dẫn địa lý, phát triển tín chỉ carbon trong chăn nuôi nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Rà soát, quy hoạch, xây dựng nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải khu vực nông thôn; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ lò đốt BD-ANPHA để xử lý rác thải sinh hoạt,...	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VIII	Chủ động trong hợp tác, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ			
1	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án về tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
2	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
3	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về thu hút đầu tư	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
5	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
6	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch về thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Khuyến khích các trang trại chăn nuôi quy mô lớn đáp ứng tiêu chuẩn GlobalGAP, ISO và các quy chuẩn quốc tế khác; Xây dựng và phát triển chuỗi sản xuất – chế biến – xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi giá trị	Đảng ủy UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
IX	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn			
1	Phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia phong trào “cụu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi” và các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương tổ chức.	Hội cựu chiến binh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên